

Mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc áp dụng kế toán quản trị TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI BÌNH DƯƠNG

 TS. Nguyễn Thị Ánh Linh*

Nhận: 06/05/2022

Biên tập: 07/05/2022

Duyệt đăng: 20/05/2022

Tóm tắt

Hiện nay, vấn đề hội nhập kinh tế trên thế giới nói chung và ở khu vực châu Á nói riêng, đã đặt ra cho các nhà quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Việt Nam nói chung và các DNNVV tại Bình Dương nói riêng là, cần phải vận dụng các công cụ kế toán quản trị (KTQT) mới để ứng phó, nhằm giúp nhà quản trị có thông tin kịp thời hữu hiệu và thích hợp, để hỗ trợ quá trình ra quyết định và gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp (DN). Bằng việc tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan kết hợp phỏng vấn chuyên gia, tác giả đưa đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương, nhằm giúp nhà quản trị xác định được các điều kiện phù hợp, để áp dụng thành công KTQT trong DN.

Từ khóa: nhân tố tác động, kế toán quản trị, doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Bình Dương.

Abstract

Currently, the problem of economic integration in the world in general and in Asia in particular has posed for managers in small and medium enterprises (SMEs) in Vietnam in general and SMEs in Binh Duong particular, it is necessary to apply new management accounting tools to respond to help managers have timely, effective and appropriate information to support the decision-making process and increase their advantages. competition of your business. By reviewing related research works combined with expert interviews, the author proposes a research model of factors affecting the application of management accounting in SMEs in Binh Duong, in order to help managers determine the appropriate conditions for successful application of management accounting in enterprises.

Keywords: Impact factors, management accounting, SMEs in Binh Duong.

JEL: M10, M15, M51, M21.

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam các DNNVV chiếm tỷ trọng rất lớn, chiếm 98,1% (tương ứng 507.860 DN). DNNVV có vai trò to lớn và rất quan trọng đối với quá trình tăng trưởng kinh tế của quốc gia, đối với vấn đề tạo công ăn việc làm và ổn định đời sống xã hội cho đại đa số lực lượng lao động ở các thành thị và cả nông thôn. Hiện nay, DNNVV đang đối mặt với những thách thức mới được tạo ra, khi môi trường kinh doanh thay đổi nhanh hơn và ngày càng trở nên khó lường hơn bao giờ hết theo xu hướng hội nhập toàn cầu.

Để nâng cao lợi thế cạnh tranh, các DNNVV cần đẩy mạnh nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong công tác

KTQT và quan trọng nhất là thay đổi cách thức quản trị chi phí nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và tạo ra giá trị gia tăng. KTQT là một bộ phận quan trọng trong hệ thống kế toán của DNNVV có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho nhà quản trị trong việc hoạch định, kiểm soát và phân tích biến động doanh thu - chi phí trong quá trình thực hiện sản xuất - kinh doanh trong DNNVV. Thông tin do KTQT cung cấp sẽ hỗ trợ cho nhà quản trị trong việc kiểm soát chi phí, ra quyết định kinh doanh kịp thời và hiệu quả. Đặc biệt, trong môi trường kinh doanh toàn cầu và thế giới

phẳng hiện nay thì vai trò của KTQT ngày càng quan trọng và không thể thiếu trong cơ cấu quản trị DN. Qua khảo sát sơ bộ tại các DNNVV Bình Dương, việc vận dụng KTQT vào hoạt động kế toán của các DN còn rất ít và hạn chế, tỷ lệ vận dụng các công cụ của KTQT vào DNNVV còn rất thấp, hầu hết các DNNVV vận dụng các công cụ kỹ thuật truyền thống theo quy định chung của kế toán tài chính phục vụ cho việc ghi nhận chi phí, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo tài chính mà chưa chú trọng đến việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị thực hiện chức năng hoạch định, kiểm soát chi phí và ra

*Khoa Tài chính - Thương mại, Trường Đại học Công nghệ
Thành phố Hồ Chí Minh (Hutech)

quyết định nên hiệu quả đóng góp cho công tác KTQT không cao. Do đó, cần thiết đổi mới và ứng dụng KTQT cũng nhận diện và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến việc áp dụng KTQT trong DNNVV tại Bình Dương, sẽ giúp cho nhà quản trị định hướng cách thức triển khai sử dụng KTQT nhanh chóng và hiệu quả.

2. Các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV

Nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT trong các DN, đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, việc áp dụng KTQT trong các DN chịu tác động nhân tố bên ngoài (môi trường) và nhân tố bên trong (thuộc về nội lực của DN).

Theo kết quả nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther, R, (2008), ở các DN hoạt động trong ngành công nghiệp thực phẩm, nước uống tại Anh Quốc, tác giả đã kiểm định thành công mô hình gồm các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT với các biến như: nhận thức về sự bất ổn của môi trường; nhận thức về mức độ cạnh tranh; văn hóa DN; thiết kế tổ chức tập quyền; thiết kế tổ chức chính thức hóa; tất cả các nhân tố trên đều tác động đến việc vận dụng KTQT ở các DN hoạt động trong ngành thực phẩm ăn uống tại Anh Quốc.

Erserim, (2012), đã tiến hành nghiên cứu ở các DN sản xuất tại Thổ Nhĩ Kỳ về tác động của các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT vào trong các DN ở Thổ Nhĩ Kỳ, tác giả đã xác lập được mô hình nghiên cứu, bao gồm các nhân tố cụ thể như sau: (i) văn hóa DN;

(ii) đặc điểm của DN; và (iii) các nhân tố môi trường bên ngoài như: nhận thức về sự bất ổn của môi trường; nhận thức về mức độ cạnh tranh đến việc vận dụng KTQT. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, chỉ có sự tác động của các nhân tố đến việc vận dụng KTQT ở các DN sản xuất Thổ Nhĩ Kỳ.

Nghiên cứu của Mohammad và cộng sự, (2014), đã thực hiện nghiên cứu để thiết lập mô hình nghiên cứu về hệ thống kế toán trách nhiệm tại các CTCP Công nghiệp Jordan. Nhóm tác giả gửi câu hỏi đến 45 công ty cổ phần công nghiệp ở Jordan, trong tổng số 80, vào năm 2013, thông qua kỹ thuật phân tích định lượng với mục tiêu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống kế toán trách nhiệm tại CTCP Công nghiệp Jordan. Kết quả chỉ ra rằng, mô hình kế toán trách nhiệm tại các CTCP Công nghiệp Jordan chịu sự tác động của các nhân tố: trình độ của nhân viên kế toán, nhận thức của nhà quản lý, trở ngại khi áp dụng kế toán trách nhiệm.

Hay như nghiên cứu của Trần Ngọc Hùng, (2016), khi thực hiện nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV Việt Nam, đã xác lập mô hình nghiên cứu ban đầu của tác giả, bao gồm 10 nhân tố tác động việc vận dụng KTQT trong DNNVV Việt Nam như sau: nhân tố thiết kế tổ chức phân quyền, nhân tố nguồn lực khách hàng; nhân tố tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư Nhà nước trong DN; nhân tố ngành nghề kinh doanh; nhân tố nhận thức về sự bất ổn của môi trường; nhân tố trình độ nhân viên kế toán DN; nhân tố quy mô DN; nhân tố văn hóa DN; nhân tố chiến lược DN; nhân tố mức độ cạnh tranh của thị trường.

Trong nghiên cứu Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021), thực hiện khảo sát các DN tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc TP. Hồ Chí Minh, để kiểm chứng các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong các DN này, gồm 05 nhân tố: quy mô DN; mức độ cạnh tranh của DN; sự quan tâm đến KTQT của chủ DN; trình độ nhân viên kế toán và chi phí tổ chức KTQT trong DN.

Qua việc tổng quan các nghiên cứu trước trong và ngoài nước có liên quan đến các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT trong các DN, tác giả kế thừa, xác định những nhân tố khác nhau và đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT, trong các DNNVV tại Bình Dương.

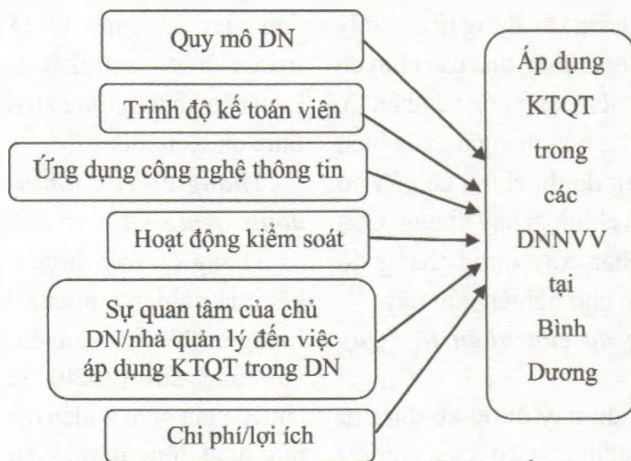
3. Mô hình nghiên cứu đề xuất và giả thuyết nghiên cứu

Từ cơ sở nghiên cứu các mô hình liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV, tác giả tiến hành tổng hợp những điểm mới nổi bật từ các nhân tố ảnh hưởng, kế thừa các kết quả nghiên cứu trước và kết hợp phỏng vấn các chuyên gia, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu, Hình 1.

Nhân tố “Quy mô DN”

Các tác giả như Abdel-Kader và Luther, R., (2008); Kosaiyakanont, (2011); Trần Ngọc Hùng, (2016); Bùi Thị Trúc Quy, (2020); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021); Lê Thị Huyền Trâm và Đinh Thị Thu Huyền, (2021), khẳng định khác biệt giữa DN có quy mô siêu nhỏ với các DN nhỏ hay vừa. Sự khác biệt này là cơ sở trọng yếu để khám phá ra sự cần thiết phải xây dựng

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



(Nguồn: tác giả tổng hợp)

hệ thống KTQT phù hợp cho DNNVV, nó làm nảy sinh nhu cầu áp dụng KTQT trong DNNVV và ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV.

Giả thuyết thứ nhất được tác giả xác định như sau:

Giả thuyết H1: Quy mô DN có tác động cùng chiều đến áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương.

Nhân tố “Trình độ kế toán viên”

Mohammad và cộng sự, (2014); Trần Ngọc Hùng, (2016); Nguyễn Thị Diễm và cộng sự, (2019); Lê Văn Tân, (2020); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021); Lê Thị Huyền Trâm và Đinh Thị Thu Hiền, (2021), là các tác giả nghiên cứu sự tác động của nhân tố trình độ kế toán viên ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT/kế toán trách nhiệm/chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong DN hay trong DNNVV. Nghiên cứu của các tác giả cho thấy, trình độ người làm kế toán mà kém là một trong các lý do các DN không sẵn sàng để áp dụng KTQT cho DN. Dựa nền tảng lý thuyết hành vi dự định, giả thuyết thứ hai liên quan đến nhân tố trình độ kế toán viên là:

Giả thuyết H2: Trình độ kế toán viên có tác động cùng chiều đến áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương.

Nhân tố “Hoạt động kiểm soát”

Các tác giả như Amudo & Inanga, (2009); Nguyễn Thị Diễm và cộng sự, (2020), cho rằng hoạt động kiểm soát cụ thể là các công cụ - cả thủ công và tự động - giúp ngăn chặn hoặc giảm thiểu các rủi ro, có thể cản trở việc hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ của tổ chức. Hoạt động kiểm soát được thực hiện ở mọi cấp của tổ chức, mọi lúc trong quy trình kinh doanh, trong môi trường công nghệ của các DN làm nảy sinh nhu cầu áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ, Amudo & Inanga, (2009), hay áp dụng kế toán trách nhiệm, Nguyễn Thị Diễm, (2020), vào hoạt động của DN. Dựa vào kết quả của nghiên cứu trên, tác giả nhận định hoạt động kiểm soát của DNNVV thực hiện hiệu quả, sẽ tác động đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV và đưa ra giả thuyết thứ ba:

Giả thuyết H3: Hoạt động kiểm soát có tác động cùng chiều đến áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương.

Nhân tố “Ứng dụng công nghệ thông tin”

Amudo & Inanga, (2009), nhận định nhân tố công nghệ thông tin phải hiện hữu và hoạt động hiệu quả để tạo nên sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ làm cho tổ chức, sẽ ứng dụng nó vào trong hoạt động kiểm toán nội bộ trong tổ chức mình. Bên cạnh đó, Lê Văn Tân, (2020), cũng khẳng định việc áp dụng công nghệ thông tin, sẽ thúc đẩy việc thực hiện KTQT trong DN. Từ những kết quả của các nghiên cứu trên, tác giả nhận định ứng dụng hệ thống thông tin trong DNNVV mà sẽ ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV và giả thuyết thứ ba được đặt ra như sau:

Giả thuyết H4: Ứng dụng công nghệ thông tin có tác động cùng chiều đến áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương.

Nhân tố “Sự quan tâm của chủ DN/nhà quản lý đến việc vận dụng KTQT trong DN”

Đối với các DNNVV thì chủ sở hữu và người quản lý thường không tách rời có thể đóng vai trò lớn, trong việc ra quyết định của DN. Petra Klink, (2016), phát hiện ra rằng, các DN nào có chủ hoặc người quản lý mà có tinh thần kinh doanh biết tham gia vào công tác điều hành và quan tâm đến chiến lược kinh doanh tinh vi so với các chủ DN hoặc người quản lý DNNVV khác thì có ảnh hưởng rất lớn đến việc tăng khả năng ứng dụng hệ thống thông tin tinh vi trong công tác kế toán của DN mình. Petra Klink, (2016); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020), cho rằng người chủ DN/nhà quản lý có sự quan tâm thì có xu hướng vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc

tế trong DNNVV. Tương tự trong nghiên cứu của Trần Văn Tùng và cộng sự (2021) cũng xác định kết quả là khi người chủ DN có sự quan tâm đến KTQT thì thường có xu hướng vận dụng hoạt động KTQT vào trong DN của mình. Từ kết quả trên, kết hợp với lý thuyết hành vi kế hoạch, tác giả phát triển giả thuyết thứ năm như sau:

Giả thuyết H5: Sự quan tâm của chủ DN/nhà quản lý đến việc áp dụng KTQT có tác động cùng chiều đến áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương.

Nhân tố “Chi phí/lợi ích”

Erserim, (2012); Lê Văn Tân, (2020); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021), là những tác giả thực hiện nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa chi phí tổ chức KTQT/chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với việc DNNVV có vận dụng hoạt động đó vào trong DN của mình hay không. Kết quả nghiên cứu đã đúc kết rằng, khi chi phí thực hiện hoạt động KTQT hoặc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế mà thấp hoặc phù hợp với nguồn lực tài chính của DN thì hầu như các DN sẽ áp dụng hoạt động KTQT vào trong DN mình. Dựa vào kết luận trên tác giả đi đến xây dựng giả thuyết thứ sáu là:

Giả thuyết H6: Chi phí/lợi ích có tác động cùng chiều đến áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương.

4. Thang đo biên độc lập và biên phụ thuộc

Các thang đo chính thức của mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương

được trình bày, dựa trên mô hình và thang đo được xây dựng từ cơ sở lý luận. Sau đó, thông qua các chuyên gia cho ý kiến đóng góp về nhân tố, về thang đo, liệu thang đo của biến nghiên cứu đã đủ chưa, có cần bổ sung, điều chỉnh gì hay không. Qua đó góp phần xây dựng thang đo chính thức cho nghiên cứu này.

Thang đo của nhân tố “Quy mô DN”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther, (2008); Trần Ngọc Hùng, (2016); Bùi Thị Trúc Quy, (2020); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021) và ý kiến chuyên gia gồm 4 biến quan sát: (1) doanh thu càng cao càng tạo động lực cho các DNNVV áp dụng KTQT; (2) số lượng lao động càng nhiều càng tạo động lực cho các DNNVV áp dụng KTQT; (3) số lượng các phòng ban càng lớn càng tạo động lực cho các DNNVV áp dụng KTQT; (4) tổng tài sản càng lớn thì có nhu cầu áp dụng KTQT trong DNNVV.

Thang đo của nhân tố “Trình độ kế toán viên”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Mohammad và cộng sự, (2014); Trần Ngọc Hùng, (2016); Nguyễn Thị Diễm và cộng sự, (2020); Lê Văn Tân, (2020); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021); Lê Thị Huyền Trâm và Đinh Thị Thu Hiền, (2021), và ý kiến chuyên gia gồm 4 biến quan sát: (1) kỹ năng nghề nghiệp của kế toán viên ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT; (2) kế toán viên có trình độ phù hợp với vị trí công tác ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT; (3) kinh nghiệm nghề

nghiệp của kế toán viên ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT; (4) kế toán viên có tinh thần học hỏi và luôn cập nhật thường xuyên về kiến thức chuyên môn.

Thang đo của nhân tố “Hoạt động kiểm soát”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Amudo & Inanga, (2009); Nguyễn Thị Diễm và cộng sự, (2020) và ý kiến chuyên gia gồm 4 biến quan sát: (1) mọi hoạt động được kiểm soát bởi chủ DN/nhà quản lý; (2) hoạt động kiểm soát được tổ chức thường xuyên; (3) kiểm soát quá trình xử lý thông tin trong DN; (4) quy trình và thủ tục kiểm soát được thiết lập đầy đủ theo yêu cầu.

Thang đo của nhân tố “Ứng dụng công nghệ thông tin”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Amudo & Inanga, (2009); Abdel-Kader và Luther, R., (2008) và Lê Văn Tân, (2020) và ý kiến chuyên gia gồm 4 biến quan sát: (1) hệ thống máy tính của DN đáp ứng hoạt động tại mọi thời điểm; (2) ứng dụng công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ hữu hiệu cho công tác lập dự toán chi phí - doanh thu; (3) ứng dụng công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ hữu hiệu cho công tác tập hợp và phân tích biến động chi phí; (4) nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho đội ngũ quản lý và nhân viên, để đáp ứng được nền tảng KTQT trong thời đại 4.0

Thang đo chính thức của nhân tố “Sự quan tâm của chủ DN/nhà quản lý đến việc áp dụng KTQT trong DN”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Petra Klink, (2016); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự,

(2021) và ý kiến chuyên gia gồm 4 biến quan sát: (1) chủ DN/nhà quản lý luôn vận hành hệ thống kế toán theo hướng KTQT; (2) chủ DN/nhà quản lý luôn giải quyết vấn đề của DN theo hướng KTQT; (3) việc áp dụng KTQT trong DNNVV nhận được sự hỗ trợ về nguồn lực tài chính từ chủ DN/nhà quản lý; (4) chủ DN/nhà quản lý có hiểu biết về KTQT nên có nhu cầu cao về việc áp dụng KTQT.

Thang đo của nhân tố “Chi phí/lợi ích”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Erserim, (2012); Lê Văn Tân, (2020); Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021) và ý kiến chuyên gia gồm 3 biến quan sát: (1) các chi phí đầu tư công nghệ phục vụ việc tổ chức KTQT là phù hợp với lợi ích mà áp dụng KTQT cho DNNVV mang lại; (2) chi phí tư vấn hỗ trợ từ chuyên gia về việc tổ chức KTQT phù hợp với lợi ích mang lại cho DN; (3) chi phí đào tạo nhân viên trong vận hành KTQT nhỏ hơn lợi ích mang lại cho DN.

Thang đo của biến phụ thuộc “Áp dụng KTQT trong các DNNVV tại Bình Dương”

Thang đo này được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther, R, (2008); Erserim, (2012); Mohammad và cộng sự, (2014); Trần Ngọc Hùng, (2016); Lê Văn Tân, (2020); Trần Văn Tùng và cộng sự, (2021) và ý kiến chuyên gia gồm 4 biến quan sát: (1) áp dụng các kỹ thuật KTQT trong xây dựng định mức chi phí và phân tích biến động chi phí; (2) áp dụng các kỹ thuật KTQT trong dự toán chi phí – doanh thu; (3) áp

dụng các kỹ thuật KTQT trong việc hỗ trợ ra quyết định của nhà quản lý; (4) áp dụng các kỹ thuật KTQT trong đo lường, đánh giá thành quả và trách nhiệm của từng bộ phận trong DN.

5. Kết luận

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT, trong các DNNVV tại Bình Dương. Dựa vào mô hình nghiên cứu này, nghiên cứu tiếp theo của tác giả sẽ tiến hành thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi khảo sát với các chủ DN/nhà quản lý, kế toán viên tại DN. Sau đó xử lý dữ liệu, kiểm định độ tin cậy của các thang đo, phân tích nhân tố khám phá, ước lượng mô hình hồi quy bội và kiểm định giả thuyết. Sự phù hợp của mô hình. Qua đó, sẽ đo lường mức độ tác động của từng nhân tố đến việc áp dụng KTQT, trong các DNNVV tại Bình Dương. ■

Tài liệu tham khảo

1. Abdel-Kader, M. and Luther, R., (2008), *The impact of firm characteristics on management accounting practices: A UK – based empirical analysis. The British Accounting Review*, 40: 2-27

2. Amudo & Inanga., (2009), *Evaluation of internal control systems: A case study from Uganda. International Research Journal of Finance and Economics*, 1(27), 125-144.

3. Bùi Thị Trúc Quy, (2020), *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT chiến lược và sự tác động đến thành quả hoạt động tại các DN sản xuất – Nghiên cứu ở khu vực Đông Nam Bộ -Việt Nam. Luận án tiến sĩ. Đại học Kinh tế TP.HCM.*

4. Erserim, A, (2012), *The impact of organization culture, firm’s characteristics and*

external environment of firms on management accounting practices: an empirical research on industrial firms in Turkey. Procedia – Social and behavioral Sciences, 62: 372-376.

5. Lê Văn Tân, (2020), *Mô hình nghiên cứu nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT chi phí trong DN chế biến gỗ Nam Trung Bộ, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số tháng 08/2020: 56-59.*

6. Mohammad Ebrahim Nawaiseh &ctg, (2014), *An Empirical Assessment of Measuring the Extent of Implementing Responsibility Accounting Rudiments in Jordanian Industrial Companies listed at Amman Stock Exchange. Advances in Management & Applied Economics. vol. 4, no.3, 123-138.*

7. Nguyễn Thị Ánh Linh, (2020), *Các nhân tố tác động đến việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính cho DN nhỏ và vừa tại Việt Nam. Luận án Tiến sĩ. Đại học Kinh tế TP.HCM.*

8. Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Thị Hoàng Yến và Lê Thị Diệu Linh, (2020), *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức và xây dựng kế toán trách nhiệm tại các ngân hàng thương mại cổ phần: nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề tài Nghiên cứu Khoa học cấp trường, Đại học Thủ Dầu Một.*

9. Petra Klink, (2016), *The international financial reporting standard for small and medium-sized entities: the need and form of a third-tier financial reporting standard in Namibia. The PhD thesis, 27 May 2016.*

10. Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyễn Thảo và Trần Phương Hải, (2021), *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong các DN tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc TP. Hồ Chí Minh. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số tháng 01 & 02/2021: 82-87.*

11. Trần Ngọc Hùng, (2016), *Các nhân tố tác động đến việc vận dụng KTQT trong các DNNVV tại Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP.HCM.*